

Số: 3343/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ hạt giống ngô, rau cho các huyện, thành phố, thị xã.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Văn bản số 3807/BNN-TT ngày 24/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn bản số 2555/TT-CLT ngày 24/10/2013 của Cục Trồng Trọt về việc xuất tạm ứng hạt giống ngô, rau từ nguồn dự trữ quốc gia hỗ trợ các tỉnh bị thiên tai năm 2013;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 3970/SNN-BVTV ngày 25/10/2013 về việc phân bổ hạt giống cây trồng phục vụ sản xuất vụ sản xuất vụ Đông 2013 và vụ Xuân 2014,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phân bổ 70 tấn giống ngô và 21 tấn giống rau các loại (từ nguồn dự trữ Quốc gia Trung ương hỗ trợ) cho các huyện, thành phố, thị xã phục vụ sản xuất vụ Đông 2013 và vụ Xuân 2014 (chi tiết như phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức tiếp nhận hạt giống cây trồng trên từ các đơn vị cung ứng đảm bảo kịp thời, đầy đủ; kiểm tra nguồn gốc, chất lượng, chủng loại hạt giống khi tiếp nhận; phân bổ cho các xã, phường, thị trấn phù hợp với nhu cầu, khả năng sản xuất thực tế của từng địa phương và số lượng hạt giống được cấp; đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương sản xuất kịp thời vụ, có hiệu quả.


- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các địa phương và đơn vị cung cấp giống tổ chức giao nhận hạt giống; chủ trì kiểm tra nguồn gốc, chất lượng, chủng loại hạt giống khi tiếp nhận từ các đơn vị cung cấp và chịu trách nhiệm nếu chất lượng giống không đảm bảo; kiểm tra giám sát, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương quản lý, sử dụng đúng mục đích, triển khai sản xuất có hiệu quả; tổng hợp, theo dõi kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đề nghị Công ty Giống cây trồng Trung ương; Công ty CP Giống cây trồng – Vật nuôi Thừa Thiên Huế, Công ty CP Giống rau quả Trung ương vận chuyển và bàn giao số hạt giống cây trồng nói trên cho các địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Cục Trồng trọt;
 - Công ty CP giống rau quả Trung ương;
 - Công ty Giống cây trồng Trung ương;
 - Công ty CP giống cây trồng – Vật nuôi Thừa Thiên Huế;
 - TTtr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Tài chính;
 - Các Phó VP. UBND tỉnh;
 - Trung tâm CB-TH tỉnh;
 - Lưu: VT, TH, NL.
- Gửi VB giấy và điện tử. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn



Phân bổ hạt giống ngô cho các địa phương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3343/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: kg

TT	Các huyện, thành phố, thị xã	Tổng	LVN10	IIN88	MX10	MX2	MX4
	Tổng	70000	50000	8000	2000	5000	5000
1	Hương Khê	18000	15400	1000	200	800	600
2	Vũ Quang	8800	7100	500	200	500	500
3	Hương Sơn	22500	19200	2000	100	600	600
4	Đức Thọ	11000	7300	2000	300	700	700
5	TP Hà Tĩnh	200			100		100
6	TX Hồng Lĩnh	0					
7	Nghi Xuân	800		200	100	300	200
8	Cẩm Xuyên	800		200	200	200	200
9	Thạch Hà	2500	500	600	200	500	700
10	Kỳ Anh	1500		300	200	500	500
11	Can Lộc	2500	500	1000	200	400	400
12	Lộc Hà	1400		200	200	500	500

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH



Phân bổ: Phân bổ hạt giống rau các loại cho các địa phương

(Ban Nhân dân theo Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Kg

TT	Huyện, thành phố, thị xã	Tổng	Giống rau									
			Cải bẹ mào gà	Cải xanh mỡ	Cải bẹ Đại Bình Phố Trung Quốc	Cải xanh lùn Thanh Giang Trung	Cải ngọt Quảng Phú Trung	Cải củ Trung Quốc số 13	Đậu đũa Trung Quốc	Đậu tẻ quý số 1 Trung Quốc	Cải củ Hà Nội	
	Tổng	21000	850	2000	4000	4000	4000	4000	3650	10000	10000	500
1	Hương Khê	1800	50	150	350	400	400	400	250	80	80	40
2	Vũ Quang	1200	50	150	100	200	250	250	250	80	80	40
3	Hương Sơn	2200	50	200	550	400	350	450	80	80	40	
4	Đức Thọ	2000	100	200	350	350	400	350	100	100	50	
5	TP Hà Tĩnh	900	30	100	100	200	250	100	100	50	50	20
6	TX Hồng Lĩnh	800	80	50	100	250	100	100	50	50	20	
7	Nghi Xuân	1300	50	150	250	200	200	300	50	70	30	
8	Cẩm Xuyên	1700	100	150	300	350	350	300	50	70	30	
9	Thạch Hà	2600	100	250	450	400	550	550	110	120	70	
10	Kỳ Anh	2800	70	250	650	500	450	550	130	130	70	
11	Cán Lộc	2300	100	200	550	450	350	350	150	100	50	
12	Lộc Hà	1400	70	150	250	300	350	100	70	70	40	